

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST

Ngày 22/01/2025

V/v: Ly hôn; tranh chấp

nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Bà Ngô Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 492/2024/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 611/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2024, Quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1992; địa chỉ đăng ký thường trú trước khi xuất cảnh: Khu dân cư N, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương; hiện đang ở Hàn Quốc.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 2001; địa chỉ liên hệ: Biệt thự E khu A, khu đô thị N, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Tiến N**, sinh năm 1984; địa chỉ: KDC N, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự vắng mặt, đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy uỷ quyền, bản cam đoan và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị G và người được nguyên đơn uỷ quyền là chị Nguyễn Thị Thanh X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Gái và anh N tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường H, thị xã C (nay là thành phố C) vào ngày 05/01/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do khác biệt về tính cách, không hoà hợp, không có tiếng nói chung. Những bất đồng quan điểm ngày càng nhiều, thường xuyên xảy ra tranh cãi, cuộc sống gia đình căng thẳng trầm trọng, ảnh hưởng đến sức khỏe, công việc của hai bên nên vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài. Dù vợ chồng đã cố gắng và được hai bên gia đình động viên nhưng không thể hàn gắn tình cảm. Nay chị G xác định hôn nhân không thể cứu vãn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo H sinh ngày 12/7/2015 và Nguyễn Tiến Nhật M sinh ngày 01/7/2020. Khi ly hôn chị G có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, đề nghị giao cháu M cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, vợ chồng tự thỏa thuận về cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị Gái cam đoan hiện đang sinh sống tại Hàn Quốc nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, uỷ quyền cho chị X là người đại diện giải quyết về con chung và giao nhận văn bản tố tụng với Tòa án.

- Chị X đồng ý nhận uỷ quyền của chị G và cam kết thực hiện đúng nội dung uỷ quyền. Chị X trình bày quan điểm của chị G là trường hợp anh N được giao quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con thì chị G tự nguyện cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng cho mỗi con cho đến khi các con thành niên.

Tại biên bản làm việc qua Zalo ngày 26/12/2024, bị đơn là anh Nguyễn Tiến N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị G là vợ chồng và anh N đã biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý vụ án theo đơn xin ly hôn của chị G. Quan điểm của anh N là đồng ý ly hôn nhưng từ chối tham gia làm việc với Tòa án tỉnh Hải Dương vì vợ chồng đã thỏa thuận là đợi chị G về Việt Nam thì vợ chồng giải quyết ly hôn tại Tòa án thành phố C.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo H sinh ngày 12/7/2015 và Nguyễn Tiến Nhật M sinh ngày 01/7/2020, hiện đang ở với anh N. Khi ly hôn anh N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung đến khi trưởng thành và yêu cầu chị G cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
Tại Công văn số 25608/QLXNC-P3 ngày 28/10/2024, số 27051/QLXNC-

P3 ngày 12/11/2024, số 2596/QLXNC ngày 07/11/2024, Cục Q – Bộ C và Phòng Q1 – Công an tỉnh H cung cấp không có thông tin xuất nhập cảnh của chị G.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); bị đơn không chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật, xử cho chị Nguyễn Thị G ly hôn anh Nguyễn Tiến N; giao cả 02 con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; ghi nhận sự tự nguyện của chị G về việc chị G có trách nhiệm cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng cho mỗi con chung đến khi thành niên; chị G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp) và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Gái đề nghị Tòa án giải quyết về ly hôn, con chung với anh N. Chị Gái, anh N đều đăng ký thường trú tại tỉnh Hải Dương. Theo cơ quan quản lý xuất nhập cảnh cung cấp thì không có thông tin xuất nhập cảnh của chị G nhưng chị G gửi văn bản kèm theo bì thư gửi từ Hàn Quốc, cam đoan hiện chị G đang ở Hàn Quốc. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về tính hợp pháp của văn bản: Các văn bản của chị G không được chứng thực theo quy định nhưng Tòa án đã trưng cầu giám định dấu vân tay tại các văn bản này với dấu vân tay trong căn cước công dân của chị G và được kết luận là của cùng một người nên công nhận các văn bản này là của chị G lập nên.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt trong đó nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn từ chối làm việc với Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Gái và anh N tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Chị Gái trình bày mâu thuẫn vợ chồng do tính cách không hợp, dù đã cố gắng hoà giải nhưng tình trạng ngày càng căng thẳng, thường xuyên cãi vã và ly thân đã lâu.

Xét thấy hôn nhân giữa chị G và anh N đã rơi vào tình trạng trầm trọng, chị G xin ly hôn thì anh N đồng ý. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình (Luật HNGĐ), cần chấp nhận cho chị G ly hôn anh N.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Gái và anh N có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo H sinh ngày 12/7/2015 và Nguyễn Tiến Nhật M sinh ngày 01/7/2020, hiện đang ở với anh N. Chị Gái có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, giao cháu M cho anh N nuôi dưỡng, tự thỏa thuận về cấp dưỡng không yêu cầu giải quyết. Anh N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, yêu cầu chị G cấp dưỡng theo quy định. Xét thấy hiện nay chị G không ở Việt Nam, không thể trực tiếp chăm sóc con chung. Hai con hiện ở với anh N được đảm bảo điều kiện học tập, sinh hoạt đầy đủ. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ, xem xét đề nghị, điều kiện của hai bên, để đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con chung, cần giao cả 02 con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Anh N yêu cầu chị G cấp dưỡng theo quy định. Chị Gái có quan điểm trường hợp giao cả 02 con cho anh N nuôi dưỡng thì chị G sẽ cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng cho mỗi con cho đến khi các con thành niên. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị G nên cần ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Gái và anh N đều không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị G là nguyên đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 273, khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 478, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị G ly hôn anh Nguyễn Tiến N.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Bảo H sinh ngày 12/7/2015 và Nguyễn Tiến Nhật M sinh ngày 01/7/2020 cho anh Nguyễn Tiến N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị G về việc chị G cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng cho mỗi con từ tháng 01/2025 đến khi các con chung thành niên.

Chị Nguyễn Thị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, đối trừ với 300.000 đồng tiền tạm ứng do anh Đặng Hồng S nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 02/10/2024 theo biên lai ký hiệu BLTU/23, số 0005174; chị G còn phải nộp 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường S, TP.C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hải Bằng